TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án: 58/2025/HNGĐ-ST Ngày: 03/11/2025 Về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Diệp Hồng Tân
Cac Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Inh
Ông Trương Văn Kiển

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Huê Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 10-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu Vực 10-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2025, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2025/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh ngày 12/5/1975 (vắng mặt có lý do)
Bị đơn: Ông Đặng Công U, sinh ngày 01/01/1974 (vắng mặt có lý do)
Cùng địa chỉ: Ấp Phú H, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31/7/2025, bà Trần Thị S là nguyên đơn trình bày: Vào năm 1993 do quen biết với nhau, S thời gian tìm hiểu bà với ông U xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tập tục quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung

đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình trầm trọng không hàn gắn được nên hai người phải sống ly thân với nhau đến nay.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Đặng Hồng T, sinh 1994, Đặng Hồng T, sinh năm 1996, Đặng Duy K, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay bà Trần Thị S yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Đặng Công U.

Bị đơn ông Đặng Công U trình bày: Năm 1993 do có tìm hiểu quen biết trước nên ông với bà Trần Thị S xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tập tục quán ở địa phương nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình không hàn gắn đươc, năm 2007 hai người phải sống ly thân với nhau đến nay.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Đặng Hồng T, sinh 1994, Đặng Hồng T, sinh năm 1996, Đặng Duy K, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay ông Đặng Công U thống nhất theo yêu cầu của bà Trần Thị S, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hê vợ chồng giữa ông với bà Trần Thị S.

Quan điểm Kiểm sát viên về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Bà Trần Thị S với ông Đặng Công U xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1993 hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nếu một trong hai bên có yêu cầu ly hôn thì tòa án thụ lý giải quyết và không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Đặng Hồng T, sinh 1994, Đặng Hồng T, sinh năm 1996, Đặng Duy K, sinh năm 2000 đã trưởng thành, bà Trần Thị S và ông Đặng Công U không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

Không công nhận bà Trần Thị S với ông Đặng Văn U là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung của bà Trần Thị S và ông Đặng Công U đã trưởng thành bà S, ông U không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bà Trần Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

S khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn; bị đơn có đơn xin vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Yêu cầu không công nhân quan hệ vợ chồng; Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu không có thay đổi bổ sung sửa chữa gì thêm.

[3] Nhận thấy; Do có tìm hiểu quen biết trước vào năm 1993 bà Trần Thị S với ông Đặng Công U xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tập tục quán ở địa phương nhưng bà S và ông U không đến Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân không hợp pháp.

[4] Theo lời trình bày của bà Trần Thị S năm 1993 bà với ông U đã xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tập tục quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình trầm trọng kéo dài không hàn gắn được, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà với ông U thường xuyên cự cải với nhau nên hai người phải sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay.

Còn đối với ông Đặng Công U cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình không hàn gắn đươc do bà Trần Thị S không lo làm ăn phụ giúp gia đình mà thương xuyên chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền, ông đã nhiều lần khuyên ngăn

nhưng bà S không từ bỏ từ đó mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng không hàn gắn được, năm 2007 bà S đã sống ly thân với ông đến nay.

Nay ông U thống nhất theo yêu cầu của bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà S.

Xét thấy; S khi xác lập quan hệ hôn nhân Trần Thị S với ông Đặng Công U không đến Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của một trong hai bên để đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật, do đó không được pháp luật công nhận là vợ, chồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các Điều 14, 15, 53, Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị S với ông Đặng Công U là vợ chồng.

[5] *Về con chung:* Em Đặng Hồng T, sinh 1994, Đặng Hồng T, sinh năm 1996, Đặng Duy K, sinh năm 2000 đã trưởng thành bà Trần Thị S và ông Đặng Công U không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

[7] *Về án phí:* Bà Trần Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 7, khoản 8, Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị S và ông Đặng Công U là vợ chồng.

Về con chung: Em Đặng Hồng T, sinh 1994, Đặng Hồng T, sinh năm 1996, Đặng Duy K, sinh năm 2000 đã trưởng thành, bà Trần Thị S và ông Đặng Công U không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0003089, ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 10-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND Khu Vực 10-Vĩnh Long;
-THADS Khu Vực 10-Vĩnh Long;
-UBND phường Long đức;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, vp.

Diệp Hồng Tân

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Inh Trương Văn Kiển Diệp Hồng Tân